TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-PT
Ngày 16-12-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngầu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Thị Tuyền;

2. Bà Nguyễn Thị An Tiên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phố – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24-10-2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 85/2022/HNGĐ-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông **Huỳnh Văn V**, sinh năm 1951.

Địa chỉ cư trú: số 11/4, ấp K, xã X, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: số 11/4, ấp K, xã N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà **Lê Nguyễn Kim H**, sinh năm 1973, Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Nguyễn Kim H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người kháng cáo: ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn - ông Huỳnh Văn V trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị X kết hôn với nhau vào năm 1973, có đăng ký vào ngày 08-12-1973. Chung sống hạnh phúc đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà X xúc phạm danh dự, uy tín của ông; bà X nghi ngờ ông sống chung với con dâu nên từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà X thường xuyên kiếm chuyện chửi mắng ông. Ngoài ra, bà X còn chủ mưu cho con rể đánh, xô đuổi ông. Ông cảm thấy, nếu sống chung một nhà thì sẽ xảy ra án mạng, nên ông phải bỏ nhà ra ngoài thuê nhà trọ ở. Ông và bà X đã sống ly thân gần 04 năm nay, hiện tại ông vẫn thuê nhà trọ để ở không thể về nhà được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với và X.

Về con chung: có 03 con chung tên Huỳnh Thị Lệ O, sinh năm 1974; Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1980; Huỳnh Quốc B, sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng có tạo được phần đất diện tích 591,2m^2, sau đó vợ chồng ông đã cho con và chuyển nhượng cho người khác hiện chỉ còn lại phần đất diện tích 274m^2 (ngang 9,5m x dài 30m) tọa lạc tại ấp K, xã N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có căn nhà cấp 4, nhà chữ L, diện tích 131,08m^2 (phần trước: ngang 5,4m, dài 8m; phần sau: ngang 6,9m, dài 13,2m). Nguồn gốc phần đất trên có được là do ông lên xã T lập nghiệp khai phá được 01 ha đất này. Hiện vợ chồng ông cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu ly hôn ông yêu cầu được chia đôi phần đất có diện tích 274m^2, ông được hưởng 01 phần và bà X được hưởng 01 phần. Hiện tại ông đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: ông V trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn – bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà X thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông V về hôn nhân, thời gian vợ chồng chung sống và con chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng không sống chung với nhau là do ông V tự bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở, không ai xô đuổi ông V, bà không có xúc phạm danh dự, uy tín ông V như ông V trình bày. Bà nghe nói, con dâu bị bệnh không kêu chồng mà lại kêu ông V (cha chồng) đi mua thuốc cho uống, nên gia đình mới họp con dâu và có mặt của ông V để nói chuyện, sau đó con dâu bỏ nhà đi, ông V cũng bỏ nhà đi luôn. Bà và ông V sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà không đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: hiện 03 con chung đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung như ông V trình bày. Tuy nhiên, về nguồn tiền mua đất là do trước đây cha bà là ông Nguyễn Văn H khi còn sống có cho riêng bà 1,5 ha đất ở xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; phần đất này sau đó bà bán được 07 chỉ vàng 24K, lấy số vàng này cùng với số vàng vợ chồng bà tích lủy có được để mua phần đất hiện đang ở với giá 16 chỉ vàng 24K. Nếu Tòa chấp nhận cho ông V ly hôn bà, bà không đồng ý chia đôi phần đất trên; bà yêu cầu được hưởng riêng diện tích 4m x dài 30m tương đương với 07 chỉ vàng mà bà đã bán đất do cha bà cho, còn lại diện tích 5,5m x dài 30m, bà yêu cầu nhận nhà đất và bà đồng ý giao lại giá trị bằng tiền cho ông Việt. Ngoài ra vợ chồng bà không còn tài sản nào khác.

Về nợ chung: bà X trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 85/2022/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh, tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 33, 38, 51, 56, 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/216 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn V đối với bà Nguyễn Thị X. Ông V và bà X không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: có 03 con chung tên Huỳnh Thị Lệ O, sinh năm 1974; Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1980; Huỳnh Quốc B, sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà X được quyền sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 274m^2, thửa số 421, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp K, xã N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp do ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X đứng tên, phần đất có tứ cận như sau: Đông giáp đường Nguyễn Chí Thanh dài 9,5m; Tây giáp thửa 417 dài 9,6m; Nam giáp thửa 422 dài 30m; Bắc giáp đường 10m dài 31,6m.

* Tài sản trên đất gồm có:

- Căn nhà cấp 4: kết cấu nhà móng bê tông xi măng + đà kiềng, nền gạch men, cửa sắt có gắn kiếng, cột gạch, kèo đòn tay, gỗ xây dựng, trần tôn lạnh, mái tôn, nhà lót gạch, không tô; ngang trước 5m x dài 8m; ngang sau 6,9m x dài 13,2m, tổng diện tích 131.08m^2.

- Phần mái che: khung sắt tiền chế, mái tôn; ngang 3,4m x dài 5,9m diện tích 20.06m^2. Tổng trị giá tài sản bà X được hưởng là 4.059.028.000 (Bốn tỷ không trăm năm mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng)

Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ giao lại cho ông Huỳnh Văn V số tiền giá trị tài sản chung là 2.029.514.000 (Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng).

Hiện tại ông V đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05861 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-12-2019 cho ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X đứng tên nên ông V có nghĩa vụ giao lại giấy đất cho bà X để làm thủ tục cấp lại giấy đất.

Bà X có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07-9-2022, ông Huỳnh Văn V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được nhận tài sản nhà đất, ông sẽ giao tiền lại cho bà X là 2.029.514.029 đồng. Vì hiện nay ông không có chỗ ở, căn nhà nói trên có rất nhiều kỷ niệm đối với ông nên ông muốn gìn giữ, nếu giao cho bà X thì bà X sẽ bán đi mới có tiền giao lại cho ông.

- Ngày 06-9-2022: bà X kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Huỳnh Văn V trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được nhận tài sản nhà đất, ông sẽ giao tiền lại cho bà X là 2.029.514.000 đồng. Nếu Tòa án giao nhà đất cho bà X được quyền sỡ hữu và sử dụng, ông đồng ý bớt cho bà X 200.000.000 đồng, bà X có trách nhiệm hoàn lại cho ông 1.829.514.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, không chấp nhận kháng cáo của ông V, sửa án sơ thẩm theo hướng không cho ông V ly hôn với bà, không giải quyết chia tài sản chung của bà và ông V.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X trình bày: bà X và ông V đã lớn tuổi (ông V 71 tuổi, bà X 69 tuổi); các con bà X đã có gia đình sống riêng với ông V, bà X, mong muốn ông V bà X đoàn tụ. Giữa ông V và bà X không có mâu thuẫn, ông V cho rằng con trai, con rễ ông tìm cách giết ông là không có căn cứ; bà X không đồng ý ly hôn với ông V không phải vì lý do không có tiền hoàn trả số tiền chia tài sản cho ông V, mà là do muốn vợ chồng sống chung lại với nhau, vì 02 người đã già rồi. Nhà đất còn lại hiện bà X đang quản lý, sử dụng; ông V và bà X đã định đoạt lập di chúc để lại cho con trai tên Huỳnh Quốc B, con dâu và cháu nội (vợ và con của B) hưởng khi ông V, bà X mất. Tòa án cấp sơ thẩm chưa cân nhắc xem xét việc ông V, bà X cùng lập di chúc để lại

phần tài sản (nhà + đất) này cho con trai Huỳnh Quốc B. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông V, chấp nhận kháng cáo của bà X, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không cho ông V và bà X ly hôn, không chia tài sản chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 208, Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X; sửa bản án sơ thẩm về tài sản chung, ghi nhận ông V đồng ý bớt cho bà X 200.000.000 đồng, giao tài sản chung (nhà + đất) cho bà X được quyền sỡ hữu và sử dụng; buộc bà X có trách nhiệm hoàn lại cho ông V 1.829.514.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh xét xử và tuyên án vào ngày 26-8-2022; ngày 06-9-2022, bà Nguyễn Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 07-9-2022, ông Huỳnh Văn V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung. Đơn kháng cáo của ông V, bà X hợp lệ phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông V, bà X, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X kết hôn với nhau vào năm 1973, có đăng ký vào ngày 08-12-1973. Chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông V trình bày, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bà X xúc phạm danh dự, uy tín của ông, nghi ngờ ông có quan hệ không trong sáng với con dâu, thường xuyên kiếm chuyện chửi mắng ông, chủ động cho con rể đánh, xô đuổi ông. Bà X trình bày mâu thuẫn chủ yếu là do ông V thường xuyên uống rượu, về kiếm chuyện, ông V tự bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở, không ai xô đuổi ông V, bà không có xúc phạm danh dự, uy tín ông Việt, bà không nghi ngờ ông V có quan hệ không trong sáng với con dâu; khi bà nghe nói, con dâu bị bệnh không kêu chồng mà lại kêu ông V (là cha chồng) đi mua thuốc cho uống, nên gia đình

mới họp con dâu và có mặt của ông V để nói chuyện, sau đó con dâu bỏ nhà đi, ông V cũng bỏ nhà đi luôn. Ông V yêu cầu ly hôn, bà X không đồng ý.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện khoảng thời gian từ năm 2019 đến nay, vợ chồng ông V, bà X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, một phần do ông V thường xuyên ăn nhậu say xỉn về nhà kiếm chuyện; một phần do bà X thiếu kìm chế, có những lời lẽ không tế nhị với ông V, dẫn đến vợ chồng cải vả, xô sát nhau, gây mất trật tự tại địa phương nơi cư trú mặc dù đã được chính quyền địa phương can thiệp giải quyết, nhắc nhỡ nhiều lần. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà X cùng 03 người con chung của 02 ông bà đều trình bày, từ khi ông V bỏ ra ngoài thuê nhà trọ để ở, không có lần nào bà X và 03 người con đến xem cuộc sống của ông V như thế nào, cũng không có lần nào đến để năn nỉ kêu ông V về nhà sinh sống. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà X và ông V đã rạn nứt, không còn quan tâm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử quyết định cho ông V được ly hôn với bà X là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà X kháng cáo, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Xê.

[2.2] Về tài sản chung:

Ông V, bà X trình bày hiện tài sản chung còn phần đất diện tích 274 m^2 thửa 421, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp K, xã N, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05861 ngày 19-12-2019 cho ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X đứng tên chủ sử dụng đất. Trên đất có 01 nhà xây tường cấp 4, nhà chữ L diện tích 131,08 m^2 và phần mái che diện tích 20,06 m^2, có tổng trị giá 4.059.028.000 đồng. Ông V yêu cầu chia đôi, bà X không đồng ý và cho rằng số diện tích đất này có được là do bà bán phần đất của cha bà cho bà 1,5 ha ở xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh được 07 chỉ vàng cùng với số vàng vợ chồng tích lũy có được để mua, nhưng ông V không thừa nhận và bà X cũng không có chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chia đôi tài sản, mỗi người hưởng một phần là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do phần đất có chiều ngang 9,5 m, chiều dài 30m; căn nhà xây trên đất hình chữ L phần trước ngang 5m, dài 8m, phần sau ngang 6,9m, dài 13,2m, nên không thể chia bằng hiện vật được. Bà X đang quản lý, sử dụng nhà và đất cùng các tài sản trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà, đất và tài sản trên đất cho bà X được sỡ hữu, sử dụng, buộc bà X có trách nhiệm giao lại giá trị tài sản được chia cho ông là 2.029.514.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ông V kháng cáo xin được hưởng nhà, đất và tài sản trên đất, có nghĩa vụ giao lại cho bà X 2.029.514.000 đồng; bà X kháng cáo không đồng ý chia tài sản, cả 02 người không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V trình bày, nếu Tòa án quyết định giao nhà, đất và tài sản trên đất cho bà được quyền sỡ hữu và sử dụng, ông đồng ý bớt cho bà X 200.000.000 đồng, bà X có nghĩa vụ giao lại cho ông 1.829.514.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của ông V, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí: ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X và ông Huỳnh Văn V.

Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 85/2022/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 33, 51, 56, 59 và 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Văn V đối với bà Nguyễn Thị X. Cho ông Huỳnh Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị X.

2. Về con chung: có 03 con chung tên Huỳnh Thị Lệ O, sinh năm 1974; Huỳnh Thị Tuyết N, sinh năm 1980; Huỳnh Quốc B, sinh năm 1983. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Bà Nguyễn Thị X được quyền sở hữu, sử dụng phần đất diện tích 274m^2, thửa số 421, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp K, xã N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được số CS05861, ngày 19-12-2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X đứng tên chủ sử dụng đất. Phần đất có tứ cận như sau: Đông giáp đường Nguyễn Chí Thanh dài 9,5m; Tây giáp thửa 417 dài 9,6m; Nam giáp thửa 422 dài 30m; Bắc giáp đường 10m dài 31,6m. Và số tài sản trên đất gồm:

- 01 căn nhà cấp 4, nhà chữ L, kết cấu nhà móng bê tông xi măng đà kiềng, nền gạch men, cửa sắt có gắn kiếng, cột gạch, kèo đòn tay, gỗ xây dựng, trần tôn

lạnh, mái tôn, nhà lót gạch, không tô; ngang trước 5m x dài 8m; ngang sau 6,9m x dài 13,2m, tổng diện tích 131.08m^2.

- 01 mái che bằng khung sắt tiền chế, mái tôn; ngang 3,4m x dài 5,9m, diện tích 20.06m^2.

3.2. Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ giao lại cho ông Huỳnh Văn V số tiền chia tài sản chung là 1.829.514.000 (một tỷ tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười bốn nghìn) đồng.

3.3. Ông Huỳnh Văn V có nghĩa vụ giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05861 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-12-2019 cho ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X đứng tên chủ sử dụng đất.

3.4. Bà Nguyễn Thị X có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Ông Huỳnh Văn V và bà Nguyễn Thị X được miễn tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

5. Về chi phí tố tụng: ông Huỳnh Văn V tự nguyện chịu số tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Ghi nhận ông V đã nộp xong.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành hết số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS t;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Ngầu